

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST

Ngày 01/4/2025

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thảo

2. Ông Lê Hoàng Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kiều N - Kiểm sát viên.

Ngày 01/4/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 214/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/02/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ 14/3/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị P, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn A, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị P vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Tiêu Văn C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn A, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn trình bày, biên bản hoà giải nguyên đơn chị Trần Thị Phúc trình B:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tiêu Văn C trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, có làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 10/11/2004 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị xảy ra cãi vã, mâu thuẫn, cuộc

sống vợ chồng căng thẳng, nguyên nhân do tình cảm vợ chồng không còn, tính tình không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong lối sống, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ được với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn của vợ chồng chị đã ở mức trầm trọng, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh C theo quy định pháp luật. Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Tiêu Hồng B1, sinh ngày 24/6/2005 và Tiêu Thị Trà M, sinh ngày 20/7/2024. Hiện con chung Tiêu Hồng B1 đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành và tự lập nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết; Con chung Tiêu Thị Trà M hiện còn nhỏ và đang ở cùng chị, hiện chị đang trực tiếp trông nom, chăm sóc nên sau khi ly hôn, chị đề nghị là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Tiêu Thị Trà M và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và vay nợ chung: Chị P xác định không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Tiêu Văn C nhưng anh C đều vắng mặt không có lý, do đó các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Kết quả thu thập chứng cứ với chính quyền địa phương thể hiện: Chị P và anh C đều có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, có thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang theo quy định pháp luật. Anh C làm nghề tự do còn chị P đi làm ăn xa, ít khi về nhà. Trong cuộc sống hàng ngày, chị P và anh C có xảy ra mâu thuẫn, do chị P đi làm ăn xa, vợ chồng thường xuyên sống xa nhau, vợ chồng không chia sẻ, quan tâm đến nhau được nên tình cảm vợ chồng không còn. Địa phương có biết hiện chị P đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, không sống chung cùng anh C. Việc chị P có đơn xin ly hôn với anh C địa phương có nắm được, do chị P và anh C đã có mâu thuẫn từ lâu. Địa phương có nhận được các văn bản của Tòa án nhờ giao gửi cho anh C, địa phương đều đã giao trực tiếp các văn bản và tài liệu cho anh C. Về con chung: Chị P và anh C có 02 con chung là Tiêu Hồng B1, sinh ngày 24/6/2005 và Tiêu Thị Trà M, sinh ngày 20/7/2024. Hiện cháu Tiêu Hồng B1 đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành và hiện sống cùng anh C. Con nhỏ Tiêu Thị Trà M hiện ở cùng chị P. Về tài sản và vay nợ chung: Chị P và anh C không có.

Kết quả xác minh với ông Tiêu Minh T, là bố đẻ anh Tiêu Văn C thể hiện: Chị P và anh C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương. Trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng chị P anh C có mâu thuẫn, nguyên nhân do chị P đi làm ăn xa, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ được với nhau. Theo gia đình biết thì chị P có tình cảm với người khác nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau, tình cảm vợ chồng nhạt dần. Chị P đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, hiện nay chị P và anh C đã sống ly thân. Về con chung: Chị P và anh C có 02 con chung là Tiêu Hồng B1, sinh ngày 24/6/2005 và Tiêu Thị Trà M, sinh ngày 20/7/2024.

Hiện cháu Tiêu Hồng B1 đang sống cùng anh C tại thôn A, xã K cạnh gia đình ông. Cháu B1 đã đủ 18 tuổi, đã tự lập, phát triển bình thường và đã trưởng thành. Cháu nhỏ Tiêu Thị Trà M hiện ở cùng chị P. Về tài sản và vay nợ chung: Chị P và anh C không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị P đã thực hiện đúng quy định của pháp quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, anh C chưa chấp hành đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L về việc xin ly hôn anh Tiêu Văn C. Về con chung: Đề nghị giao con chung Tiêu Thị Trà M, sinh ngày 26/7/2024 cho chị Trần Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh Tiêu Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị P không yêu cầu) và có quyền thăm con chung không ai được cản trở. Con chung Tiêu Hồng B1, sinh ngày 24/6/2005 hiện đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành và tự lập nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị P và anh C không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị P phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật; anh Tiêu Văn C không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị P và anh Tiêu Văn C có nơi cư trú tại thôn A, xã K, thành phố T, Tòa án thụ lý vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Tiêu Văn C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 11 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân P, huyện Y nay là xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang theo quy định pháp luật, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh C là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị P và

anh C sinh sống tại thôn A, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Trong quá trình chung sống, chị P xác nhận vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, vợ chồng sống không hạnh phúc, vợ chồng cãi cọ và không có tiếng nói chung, chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng nên giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh C. Tòa án đã nhiều lần thông báo văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng anh C không đến Tòa án cũng như không có văn bản trình bày về ý kiến của mình.

Qua xác minh với chính quyền địa phương nơi chị P và anh C sinh sống thể hiện: Chị P và anh C đều có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, có thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh C làm nghề tự do còn chị P đi làm ăn xa, ít khi về nhà. Trong cuộc sống hàng ngày, chị P và anh C có xảy ra mâu thuẫn, do chị P đi làm ăn xa, vợ chồng thường xuyên sống xa nhau, vợ chồng không chia sẻ, quan tâm đến nhau được nên tình cảm vợ chồng không còn. Địa phương có biết được hiện chị P đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, không sống chung cùng anh C. Việc chị P có đơn xin ly hôn với anh C địa phương có nắm được, do chị P và anh C đã có mâu thuẫn từ lâu. Về con chung: Chị P và anh C có 02 con chung là Tiêu Hồng B1, sinh ngày 24/6/2005 và Tiêu Thị Trà M, sinh ngày 20/7/2024. Hiện cháu Tiêu Hồng B1 đang sống cùng anh C tại thôn A, xã K. Cháu đã đủ 18 tuổi và đã trưởng thành. Con nhỏ Tiêu Thị Trà M hiện ở cùng chị P. Về tài sản và vay nợ chung: Chị P và anh C không có.

Qua xác minh với ông Tiêu Minh T, là bố đẻ anh Tiêu Văn C thể hiện: Chị P và anh C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương. Trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng chị P anh C có mâu thuẫn, nguyên nhân do chị P đi làm ăn xa, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ được với nhau. Theo gia đình biết thì chị P có tình cảm với người khác nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau, tình cảm vợ chồng nhạt dần. Chị P đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, hiện nay chị P và anh C đã sống ly thân. Về con chung: Chị P và anh C có 02 con chung là Tiêu Hồng B1, sinh ngày 24/6/2005 và Tiêu Thị Trà M, sinh ngày 20/7/2024. Hiện cháu Tiêu Hồng B1 đang sống cùng anh C tại thôn A, xã K cạnh gia đình ông. Cháu B1 đã đủ 18 tuổi, đã tự lập, phát triển bình thường và đã trưởng thành. Con nhỏ Tiêu Thị Trà M hiện ở cùng chị P. Về tài sản và vay nợ chung: Chị P và anh C không có.

Như vậy, xét quan hệ hôn nhân của chị P, anh C thấy rằng mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Xét tình trạng hôn nhân và yêu cầu xin ly hôn của chị P là có căn cứ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P xử cho chị P được ly hôn với anh C là phù hợp quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị P và anh C có 02 con chung là Tiêu Hồng B1, sinh ngày 24/6/2005 và Tiêu Thị Trà M, sinh ngày 20/7/2024. Hiện con chung Tiêu Hồng B1 đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành và tự lập, chị P không đề nghị Tòa án

giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết. Con chung Tiêu Thị Trà M, sinh ngày 20/7/2024 còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, hiện đang ở cùng chị P, do chị P trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh C vắng mặt tại các buổi làm việc của toà án cũng như không có ý kiến gì về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy giao con chung Tiêu Thị Trà M cho chị Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do hiện tại chị P không có yêu cầu về việc cấp dưỡng đối với con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Tiêu Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Trần Thị P và anh Tiêu Văn C không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trần Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Tiêu Văn C không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 28; 35; 39; 147; 235; 238; 227; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị P1 về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị P được ly hôn anh Tiêu Văn C (Giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01 ngày 10/11/2004 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y nay là xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về con chung:

Xử: Giao con chung là Tiêu Thị Trà M, sinh ngày 20/7/2024 cho chị Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Anh Tiêu Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do hiện tại chị P không yêu cầu). Anh Tiêu Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị P phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000136

ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị Trần Thị P đã nộp đủ án phí.

Anh Tiêu Văn C không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị P và anh Tiêu Văn C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND xã Kim Phú, TP Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Ngọc Hà

